TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 41/2018/HS-ST
Ngày: 19/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Vũ Hà Linh**.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đức Hơn – Bà Vũ Thị Minh Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký của Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

BÙI TUẤN T (tên gọi khác: Gù), sinh năm 1982.

Nơi sinh: Bình Thuận. Nghề nghiệp: Làm thuê.

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường PL, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Bùi S (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết).

Có 8 anh em ruột, bị cáo là con thứ 7.

Vợ, con: chưa có.

Tiền án:

+ Ngày 26/10/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma Ty" theo Bản án số 172/2005/HSST. Đến ngày 11/9/2011, chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 14/8/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma Ty" theo Bản án số 56/2013/HSST. Đến ngày 25/02/2016, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Ngày 11/7/2017, bị Công an phường PL xử phạt hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma Ty" (Quyết định số 0042868/QĐ-XPHC).

Nhân thân: Năm 2012, bị Công an phường PL xử phạt hành chính với số tiền 1.000.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma Ty" (Quyết định số 80 ngày 23/7/2012); Ngày 05/01/2018, bị Công an thị xã L xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản" (Quyết định số 0013440/QĐ-XPVPHC).

Bị cáo bị bắt ngày 07/4/2018. Có mặt.

**** Bị hại***: Ông **Ngô Viết S**, sinh năm 1972 - Nơi cư trú: Khu phố 2, phường PL, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1960 - Nơi cư trú: Khu phố 6, phường BT, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

2. Ông **Bùi Tuấn T**, sinh năm 1985 - Nơi cư trú: Thôn PT, xã TP, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đêm ngày 14/11/2017, Bùi Tuấn T đi chơi về thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để kiếm tiền mua ma Ty sử dụng. Do trước đó đã biết tiệm cơ khí của ông Ngô Viết S trong khu vực cảng cá L có sơ hở trong việc bảo quản tài sản nên T đến để thực hiện hành vi trộm cắp. Tại đây, khi phát hiện không có người trong coi, T đã lấy 01 máy mài sắt cầm tay; một số phụ tùng cơ khí gồm: 01 buly bảng Đ2 dây đường kính 3.5cm, 01 buly máy tới, 01 buly Rin của máy Mitsu, 01 Ba càng lái thủy lực, 01 khúc ống kim loại đường kính 273 ly (dài 50cm), 05 cục buly phế liệu và 01 bao sắt phế liệu xây dựng. T bỏ tất cả tài sản lấy được lên xe mô tô biển kiểm soát 86 K6 – 9611 chở đến vựa mua bán phế liệu của

ông Nguyễn Kim T ở phường B T để bán. Lúc này là khoảng 01 giờ ngày 15/11/2017, ông T có hỏi nguồn gốc tài sản thì T nói là sắt phế liệu dọn kho đem bán nên mua với giá 580.000 đồng. T nhận tiền rồi đi mua ma Ty sử dụng.

Đến sáng ngày 15/11/2017, ông S phát hiện bị mất trộm tài sản và xem video camera an ninh ghi lại thì phát hiện có đối tượng bịt khẩu trang lấy trộm tài sản lúc khoảng 0 giờ cùng ngày.

- Theo như lời trình bày của bị cáo Bùi Tuấn T thì bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của bản thân như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã LaGi đã truy tố và bị cáo đã chỉ dẫn cho Cơ quan điều tra đến vựa phế liệu của ông T để thu giữ tài sản.

- Theo như lời trình bày của bị hại Ngô Viết S trong quá trình điều tra thì thời gian, địa điểm, số lượng và đặc điểm tài sản ông bị chiếm đoạt đúng như lời trình bày của bị cáo đã khai nhận. Hiện ông đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

- Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Kim T thì ông T thừa nhận có mua lại từ bị cáo các tài sản gồm 01 máy mài sắt cầm tay; một số phụ tùng cơ khí gồm: 01 buly bảng Đ2 dây đường kính 3.5cm, 01 buly máy tới, 01 buly Rin của máy Mitsu, 01 Ba càng lái thủy lực, 01 khúc ống kim loại đường kính 273 ly (dài 50cm), 05 cục buly phế liệu và 01 bao sắt phế liệu xây dựng với giá 580.000 đồng đúng như bị cáo T trình bày. Do ông T không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có và ông đã tự nguyện nộp lại tất cả tài sản trên cho cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, bị cáo T đã hoàn trả lại cho ông T số tiền 580.000 đồng.

- Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Tuấn T thì bị cáo là anh ruột của ông, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86K6-9611 là tài sản của ông, vốn để ở nhà, ai cần thì tự lấy đi. Việc bị cáo T lấy xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, ông không biết. Hiện, ông đã nhận lại xe và xe không có hư hỏng gì.

***** Theo bản kết luận định giá số 116/KL-ĐGTS ngày 24/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L thể hiện:

- 01 buly bảng Đ2 dây đường kính 3.5cm có giá trị là 1.000.000 đồng.

- 01 buly máy tới có giá trị là 2.000.000 đồng.

- 01 buly Rin của máy Mitsu có giá trị là 1.000.000 đồng.

- 01 Ba càng lái thủy lực có giá trị là 180.000 đồng.

- 01 bao sắt xây dựng cũ có giá trị là 240.000 đồng.

- 01 khúc ống đường kính 273 ly (dài 50cm) có giá trị là 500.000 đồng.

- 01 máy mài cầm tay có giá trị là 500.000 đồng.

- 03 cục buly cũ phế liệu và 02 cục buly lớn phế liệu có giá trị là 240.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 5.660.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Vật chứng vụ án bao gồm: Các tài sản như đã nêu trong kết luận định giá tài sản; Đã được cơ quan điều tra thu hồi, trả lại cho bị hại là Ngô Viết S. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 86 K6 – 9611, cơ quan điều tra đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Tuấn T.

Về dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Ngô Viết S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đơn, ông S và ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự, ông S không có ý kiến gì về hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bùi Tuấn T cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng số 41/QĐ-VKS ngày 24/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Bùi Tuấn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Tuấn T, phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Bùi Tuấn T, mức án từ: 30 đến 36 tháng tù.

- **Ý kiến của bị cáo Bùi Tuấn T**: Thừa nhận hành vi trộm cắp do bị cáo gây ra và đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

*** Bị cáo Bùi Tuấn T nói lời sau cùng**: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại là Ngô Viết S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Kim T (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ, thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, trong trường hợp cần thiết chủ tọa phiên tòa có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, xét thấy lời khai của bị cáo Bùi Tuấn T khai nhận tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở và căn cứ pháp lý kết luận: Đêm ngày 14/11/2017, tại tiệm cơ khí của ông Ngô Viết S trong khu vực Cảng cá L, thuộc khu phố 2, phường PL, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, bị cáo Bùi Tuấn T đã có hành vi lén lút đột nhập, lấy trộm số tài sản có tổng giá trị là 5.660.000 đồng, gồm: 01 buly bảng Đ2 dây đường kính 3.5cm, 01 buly máy tới, 01 buly Rin của máy Mitsu, 01 Ba càng lái thủy lực, 01 khúc ống kim loại đường kính 273 ly (dài 50cm), 05 cục buly phế liệu và 01 bao sắt phế liệu xây dựng. Sau đó T bán lại các tài sản trộm cắp trên cho ông Nguyễn Kim T với giá 580.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo T có 02 tiền án về tội "Mua bán trái phép chất ma Ty", đã bị xác định là "Tái phạm", nay chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm".

Theo quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì: "1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

c) Tái phạm nguy hiểm;…

Như vậy, việc bị cáo T có hành vi lén lút chiếm đoạt số tài sản có tổng giá trị 5.660.000 đồng đã đủ yếu tố cấu T tội "Trộm cắp tài sản" và bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Bùi Tuấn T về tội danh, điều luật là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do xuất phát từ việc nghiện ma Ty, muốn có tiền tiêu xài và mua ma Ty sử dụng mà không phải lao động vất vả, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Mặt khác, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị kết án và nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi " sử dụng trái phép chất ma Ty" và hành vi "trộm cắp tài sản". Thế nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học, tu dưỡng đạo đức, quyết tâm cai nghiện, làm lại cuộc đời mà vẫn tiếp tục thực hiên hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo T khẩn, ăn năn hối cải. Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần áp dụng cho bị cáo các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng", do đó bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó Hội đồng xét sử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với người liên quan Nguyễn Kim T và Bùi Tuấn T, quá trình điều tra xác định: khi thu mua những tài sản mà bị cáo T trộm được, ông T không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có và khi bị cáo T sử dụng xe mô tô 86K6 – 9611 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, ông T không biết nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông T, ông T là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không ai có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Bùi Tuấn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 138; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Tuấn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo Bùi Tuấn T **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù;** thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2018.

Về án phí: Bị cáo Bùi Tuấn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Thuận*
- *VKSND tỉnh Bình Thuận*
- *Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận*
- *VKSND thị xã L*
- *THADS thị xã L*
- *Công an thị xã L*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu HS - Lưu Tòa án*
- *UBND địa phương nơi BC cư trú*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vũ Hà Linh